TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng H, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc N trình bày:

Chị Lê Thị Ngọc N và anh Lê Hoàng H quen biết, qua tìm hiểu được 05 tháng rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, anh chị được Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/01/2019.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 4/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình cả hai không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H không chăm lo cho gia đình. Chị N có khuyên nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi; từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn được, anh chị cũng ly thân từ thời điểm đó.

Nay, chị N xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt không thể hàn gắn, chị N không thể tiếp tục chung sống với anh H. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con tên Lê Ngọc V, sinh ngày 12/12/2019. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng Lê Ngọc V sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H để làm việc và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh H tiếp tục vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên qua xác minh, cha ruột anh H là ông Lê Hoàng S cho biết anh H hiện đang sống chung nhà với ông; các văn bản Tòa án tống đạt thì ông đều giao lại cho anh H, việc anh H không đến Tòa án là do anh không có tranh chấp gì với chị N, anh H đồng ý ly hôn với chị N và giao Lê Ngọc V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con do không có nghề nghiệp ổn định.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành pháp luật, vắng mặt trong phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, làm cho việc giải quyết vụ án chưa nhanh chóng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn anh H. Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung, giao cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 12/12/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, vì Cháu V đã sống ổn định với chị N, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hoàng H tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, chị Lê Thị Ngọc N đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị N về việc yêu cầu ly hôn anh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lê Thị Ngọc N và anh Lê Hoàng H chung sống có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/01/2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng anh H không có trách nhiệm với gia đình, dù chị đã khuyên can nhiều lần để anh thay đổi cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh vẫn không thay đổi. Đồng thời tính tình của cả hai không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mẫu thuẫn của hai bên gia đình anh chị cũng phát sinh và trở nên trầm trọng không giải quyết; từ đó làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không thể hàn gắn được. Quá trình Tòa án giải quyết anh H không đến để trình bày ý kiến.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Ngoài ra, phải có sự hòa thuận, thương yêu của các thành viên trong gia đình. Thế nhưng, anh H lại không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ gánh nặng kinh tế cùng chị N, dù chị N đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi nên anh chị thường xuyên cãi nhau, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Mặt khác, tại các lần Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử anh H đều vắng mặt không lý do cho thấy anh H hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm cùng với chị N. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N kiên quyết ly hôn, do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh H.

[2.2] Về nuôi con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi mâu thuẫn xảy ra, anh H và chị N ly thân, anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì cháu

Lê Ngọc V vẫn tiếp tục sống chung với chị N. Đồng thời qua xác minh, cha ruột của bị đơn cũng cho biết hiện anh H không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, nhằm tránh làm thay đổi môi trường sống và để đảm bảo cho Cháu V có cuộc sống ổn định về mặt thể chất lẫn tinh thần nên giao cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 12/12/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, vì Cháu V đã sống ổn định với chị N từ nhỏ; anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc N. Chị Lê Thị Ngọc N được ly hôn với anh Lê Hoàng H.

2. Về con chung: Giao Lê Ngọc V, sinh ngày 12/12/2019 cho chị Lê Thị Ngọc N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Lê Hoàng H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Anh Lê Hoàng H không cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Ngọc N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002885 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Lê Thị Ngọc N đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn (chị N) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn (anh H) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bán án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bửu Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**